

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng/công trình sự nghiệp lĩnh vực y tế của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính Phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 62/2025/QĐ-UBND ngày 01/10/2025 của UBND thành phố về phân cấp thẩm quyền quyết định đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5066/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 4159/BYT-HTTB ngày 30/6/2025 của Bộ Y tế hướng dẫn sắp xếp, bố trí diện tích làm việc của các cơ sở y tế theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;

Căn cứ Văn bản số 1098/BYT-HTTB ngày 14/02/2026 của Bộ Y tế về việc góp ý dự thảo Thông tư quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội tại Tờ trình số 388/TTr-KNTMPTP ngày 24/3/2026; của Trưởng phòng: Nghiệp vụ Y, Nghiệp vụ Dược, Tổ chức cán bộ, Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế và kết quả xem xét của Tổ 1 theo Quyết định số 2830/QĐ-SYT ngày 17/12/2025 của Sở Y tế về việc thành lập Tổ xem xét tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng/công trình sự nghiệp các đơn vị trực thuộc của Sở Y tế Hà Nội;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng/công trình sự nghiệp lĩnh vực y tế của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội (*Chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng và phạm vi điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức

- Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng/công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

- Diện tích chuyên dùng/công trình sự nghiệp quy định tại Quyết định này là diện tích tối đa và được tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật, không bao gồm cầu thang, thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc, diện tích nhà để xe, diện tích tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật (nếu có) bên trong phòng làm việc.

- Nội dung quy định tại Quyết định này không điều chỉnh đối với việc xác định giá dịch vụ y tế (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, tính hợp lý, hợp lệ của các tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng/diện tích công trình sự nghiệp đã đề xuất. Chịu trách nhiệm giải trình đầy đủ, kịp thời trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu giải trình, báo cáo rõ về việc đề xuất tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng/diện tích công trình sự nghiệp đề nghị phê duyệt đảm bảo không vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, pháp luật khác có liên quan.

- Quá trình thực hiện có những phát sinh thay đổi cần điều chỉnh bổ sung so với tiêu chuẩn, định mức được phê duyệt, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội rà soát, đề xuất gửi Sở Y tế xem xét, điều chỉnh theo quy định.

- Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội có trách nhiệm rà soát, trình Sở Y tế đề ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế của đơn vị cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Sở Y tế

Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn, trên cơ sở đề xuất

của đơn vị, quyết định ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế của đơn vị cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Trưởng phòng Nghiệp vụ Dược, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Giám đốc Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Văn phòng Sở Y tế (để công khai trên website);
- Lưu: VT, KHTC_{HOA}.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Diện

PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng/công trình sự nghiệp lĩnh vực y tế Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng năm 2026 của Sở Y tế)

STT	Tên các diện tích chuyên dùng/Công trình sự nghiệp	Đơn vị tính	Diện tích	Chú thích
Khu vực chức năng chung				
1.1	Phòng giao ban, sinh hoạt chung	(m2/người)	2	
1.2	Khu vệ sinh nhân viên (nam, nữ riêng biệt)	(m2/phòng)	24	Bao gồm cả khu vực tắm
1.3	Phòng thay quần áo (nam, nữ riêng biệt)	(m2/chỗ)	2	“chỗ”: Bao gồm không gian thay quần áo và tủ để đồ của 01 nhân viên
1.4	Phòng trưởng, phó khoa	(m2/phòng)	26	Bao gồm diện tích chức danh và diện tích để thực hiện hoạt động chuyên môn
1.5	Chỗ rửa, hấp, sấy dụng cụ	(m2/chỗ)	6	
1.6	Phòng giặt, tiệt trùng quần áo	(m2/phòng)	24	
1.7	Khu vực lưu mẫu	(m2/phòng)	48	
1.8	Kho chuyên dụng (vật tư, thiết bị, dụng cụ, tài liệu...)			Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích
	Kho chung của đơn vị	(m2/phòng)	48	Là kho sử dụng chung của toàn đơn vị sự nghiệp
	Kho riêng của bộ phận chuyên môn	(m2/phòng)	24	Là kho sử dụng riêng của bộ phận chuyên môn (khoa, phòng...) thuộc đơn vị
1.9	Kho hóa chất thông thường	(m2/phòng)	15	Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích
1.10	Kho hóa chất cháy nổ	(m2/phòng)	15	Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích
Kiểm nghiệm Hóa lý				
1.11	Khu vực kiểm nghiệm	m2/khu vực	400	

STT	Tên các diện tích chuyên dùng/Công trình sự nghiệp	Đơn vị tính	Diện tích	Chú thích
1.12	Khu vực chuẩn bị, phụ trợ	m2/khu vực	261	
Kiểm nghiệm Đông dược - Dược liệu				
1.13	Khu vực kiểm nghiệm	m2/khu vực	400	
1.14	Khu vực chuẩn bị, phụ trợ	m2/khu vực	293	
Kiểm nghiệm Dược lý - Vi sinh				
1.15	Khu vực kiểm nghiệm	m2/khu vực	840	
1.16	Khu vực chuẩn bị, phụ trợ	m2/khu vực	96	